

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

### 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Ethylene Glycol Fiber Grade  
Mã sản phẩm : U1285, U1291  
Số CAS : 107-21-1  
Các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất : Dihydroxy ethane 1,2, Ethane diol 1,2, Ethylene Glycol, Glycol, MEG

#### Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Nhà cung cấp : SHELL EASTERN CHEMICALS (S)  
A REGISTERED BUSINESS OF SHELL EASTERN  
TRADING (PTE) LTD (UEN:198902087C)  
9 North Buona Vista Drive , #07-01  
The Metropolis Tower 1  
Singapore 138588  
Singapore  
Điện thoại : +65 6384 8737  
Telefax : +65 6384 8454  
Địa chỉ email liên lạc cho SDS :

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +65 65429595 (Alert SGS)

#### Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Các hóa chất trung gian.  
Hạn chế khi sử dụng : Sản phẩm này phải không được sử dụng trong các ứng dụng khác với những ứng dụng trên mà không có lời khuyên của nhà cung cấp., Không sử dụng trong sản xuất hay chế biến thức ăn hay dược phẩm., Giữ cách xa tầm tay trẻ em và vật nuôi trong nhà., Không sử dụng trong các ứng dụng tạo khói trên sân khấu hay tạo khói nhân tạo khác., Không sử dụng trong các ứng dụng làm mát trên máy bay.

### 2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

#### Phân loại theo GHS

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 4  
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại : Cấp 2 (Thận)

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

### Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo :

Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm :

**TÁC HẠI VẬT LÝ:**  
Không bị phân loại là độc hại theo tiêu chuẩn GHS.  
**TÁC HẠI VỚI SỨC KHOẺ:**  
H302 Có hại nếu nuốt phải.  
H373 Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (Thận) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.  
**TÁC HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG:**  
Không thuộc loại nguy hại đối với môi trường theo các tiêu chuẩn phân loại của GHS.

Các lưu ý phòng ngừa :

#### **Biện pháp phòng ngừa:**

P260 Không được hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.  
P264 Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.  
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

#### **Biện pháp ứng phó:**

P301 + P312 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.  
P330 Súc miệng.  
P314 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.

#### **Lưu trữ:**

Không có khuyến cáo.

#### **Việc thải bỏ:**

P501 Sản phẩm thải loại và thùng chứa phải được đưa đến nơi xử lý thích hợp hoặc thu hồi / tái chế theo đúng các quy định của địa phương/ quốc gia nơi sử dụng.

### Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Hít vào hơi hay sương có thể gây khó chịu cho hệ hô hấp. Kích ứng nhẹ hệ hô hấp. Hơi rất da. Gây kích ứng nhẹ cho mắt. Các loại hơi có thể gây kích ứng mắt.

### 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Đơn chất

Thành phần nguy hiểm

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

Tên hóa học	Số CAS	Phân loại	Nồng độ (% w/w)
ethanediol	107-21-1	Acute Tox.4; H302 STOT RE2; H373	99 - 100

Xem mục 16 về giải thích cho các cụm từ viết tắt.

#### 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Không được cho là có nguy hiểm cho sức khỏe khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Không cần có sự điều trị nào trong những điều kiện sử dụng thông thường. Trong trường hợp các triệu chứng không thuyên giảm, cần :  
Loại bỏ quần áo bị dính sản phẩm. Rửa sạch khu vực da bị tiếp xúc bằng nhiều nước và xà phòng nếu có thể.  
Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Rửa mắt với nhiều nước.  
Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa.  
Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Nếu nuốt phải, đừng cố ói ra: chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm. Nếu xảy ra ói, giữ cho đầu thấp hơn hông để tránh hít vào.  
Súc miệng.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Thận bị ngộ độc có thể được nhận ra bằng sự xuất hiện máu trong nước tiểu hay dòng nước tiểu giảm đi hay mạnh lên.  
Các dấu hiệu và triệu chứng khác có thể bao gồm buồn nôn, nôn ói, cơ rút ruột, tiêu chảy, đau bên sườn sau khi nuốt vào, và có thể gây mê man và tử vong.  
Không xem là nguy hiểm ở điều kiện sử dụng bình thường.  
Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng hô hấp có thể bao gồm một cảm giác bỏng tạm thời trên mũi và họng, ho, và/hay khó thở.  
Không có các nguy cơ cụ thể trong những điều kiện sử dụng bình thường.  
Các dấu hiệu và triệu chứng da bị kích thích có thể là cảm giác bỏng rát, đỏ, hoặc sưng tấy.  
Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng mắt có thể bao gồm cảm giác bỏng rát, đỏ mắt, phỏng rộp, và/hoặc mờ mắt.  
Khi nuốt phải, có thể gây ra buồn nôn, ói mửa hoặc bị tiêu chảy.
- Bảo vệ người sơ cứu : Khi tiến hành sơ cứu, hãy đảm bảo rằng bạn đang được trang bị thiết bị bảo vệ cá nhân thích hợp theo sự cố, thương tổn và điều kiện xung quanh.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Hãy nhớ khám Bauc số hay nểan trung tâm xâu lữ chaát

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

ñoăc.

Xử lý theo triệu chứng.

Có thể gây nhiễm độc nghiêm trọng thận, hô hấp, và thần kinh trung ương. Có thể gây nhiễm axit nghiêm trọng.

Bieăñ phaùp ñieàu trò lạø ngay laäp töüc ñoă ñeăñ cô sôu y teá vaø sôu düng caùc bieăñ phaùp ñieàu trò thích hôïp bao goàm sôu düng than hoaït tính, rửa daï daøy vaø huët daï daøy. Neáu khoăng theă thöïc hieăñ ngay caùc bieăñ phaùp treăñ vaø coù theă phaùï ñoïi hôn moăt giôø ñoàng hoà trôôuc khi coù theă thöïc hieăñ moăt trong caùc bieăñ phaùp treăñ, neăñ gaây noăñ môûa baêng caùch sôu düng nõôuc siroă IPECAC (Còu chæ ñoñh rõ neáu coù caùc daáu hieău suy giaûm heă thaàn kinh trung ôông). Neăñ tuaăñ thuê caùc lôøi khuyeăñ cuôa chuyeăñ gia theo töøng trôôøng hôïp. Caùc caùch ñieàu trò cuï theă khaùc coù theă bao goàm lieău phaùp ethanol, fomepizole, ñieàu trò nhieăñ axit vaø thieáu màu. Tìm ngay lôøi khuyeăñ cuôa caùc chuyeăñ gia.

### 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bột chống cồn, phun nước hay sương. Chỉ sử dụng bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất cho các vụ hỏa hoạn nhỏ.
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa.
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Vật liệu sẽ không cháy trừ khi đã được gia nhiệt trước. Cacbon monoxit có thể được tạo ra nếu sự cháy xảy ra không hoàn toàn. Các thùng chứa tiếp xúc với nguồn nhiệt mạnh từ hỏa hoạn nên được làm mát với một lượng nước lớn.
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất  
Sơ tán ra khỏi khu vực những người không phận sự.  
Làm mát cho các dụng cụ chứa lân cận bằng cách phun nước.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Phải mang những thiết bị bảo vệ thích hợp bao gồm găng tay chống hóa chất; áo quần chống hóa chất được chỉ định nếu dự kiến tiếp xúc nhiều với sản phẩm bị tràn đổ. Phải đeo mặt nạ thở khi lại gần lửa trong khu vực chật hẹp. Chọn áo quần của nhân viên chữa cháy phù hợp với Tiêu Chuẩn liên quan (ví dụ: Châu Âu: EN469).

### 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Tuân theo tất cả các qui định tương ứng của địa phương và quốc tế.  
Thông báo cho nhà chức trách nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

	<p>với dân chúng hay môi trường hay có thể sẽ có những sự tiếp xúc đó.</p> <p>Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.</p> <p>: Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.</p>
Các cảnh báo về môi trường	<p>: Ngăn không cho trải rộng ra hay chảy vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác.</p> <p>Sử dụng các thùng chứa thích hợp để tránh làm ô nhiễm môi trường.</p> <p>Thông gió toàn bộ khu vực bị nhiễm.</p>
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	<p>: Giữ lại các chất còn lại khi bị tràn ra và loại bỏ các chất này đúng cách. Ngâm các chất còn lại với một chất hấp thụ như đất sét, cát hay các vật liệu thích hợp khác.</p> <p>Đối với lượng hóa chất bị đổ ít (&lt; 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học tới thùng chứa có dán nhãn, niêm phong để thu hồi sản phẩm hoặc loại bỏ an toàn. Cho các chất cận bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.</p> <p>Đối với lượng hóa chất bị đổ nhiều(&gt; 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học như xe hút tới bồn chứa để thu hồi hoặc loại bỏ an toàn. Không rửa chất cận bằng nước. Giữ lại xem như là chất thải đã bị nhiễm. Cho các chất cận bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.</p>
Lời khuyên bổ sung khác	<p>: Để lựa chọn đồ bảo hộ lao động, đọc chương 8 của tài liệu An toàn sản phẩm này</p> <p>Để xử lý, thải loại sản phẩm bị rò rỉ, xem chương 13 của tài liệu An toàn sản phẩm này</p>

### 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Cảnh báo Chung	<p>: Tránh hít phải hay tiếp xúc với chất này. Chỉ sử dụng ở những nơi thông gió tốt. Rửa sạch hoàn toàn sau khi sử dụng. Để có hướng dẫn về việc lựa chọn các thiết bị bảo vệ cá nhân, hãy xem Chương 8 của Bảng Dữ Liệu An Toàn Sản Phẩm này.</p> <p>Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.</p> <p>Phải đảm bảo tuân thủ tất cả các quy định của địa phương liên quan đến việc xử lý và cất chứa các phương tiện.</p>
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	<p>: Sử dụng các dụng cụ thải cục bộ trong các khu vực xử lý.</p> <p>Xử lý và mở thùng chứa cẩn thận ở nơi thật thông thoáng.</p> <p>Không đổ xuống cống rãnh.</p> <p>Khi vận chuyển, bốc xếp sản phẩm trong thùng phi phải mang giày bảo hộ lao động và sử dụng các phương tiện bốc xếp,</p>

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

- vận chuyển phù hợp.  
Nhiệt độ Xử lý:  
Xung quanh.
- Các vật liệu cần tránh : Các nguyên tố ôxi hóa mạnh.  
Các axit mạnh.  
Các bazơ mạnh.
- Vận chuyển Sản phẩm : Đóng chặt dụng cụ chứa khi không sử dụng. Không dùng áp lực đối với các thùng chứa để đổ hóa chất ra.

### Lưu trữ

- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Tham khảo phần 15 để biết về pháp chế cụ thể khác bao gồm vấn đề bao bì và điều kiện lưu trữ của sản phẩm này.
- Các dữ liệu khác : Các thùng chứa phải sạch, khô và không bị gỉ.  
Luôn đóng chặt nắp thùng chứa sản phẩm.  
Phải được cất chứa trong khu vực đã được che chắn và thông gió tốt, tránh xa ánh sáng mặt trời, các nguồn gây cháy và các nguồn nhiệt khác.  
Làm vệ sinh, kiểm tra và bảo trì thùng chứa là một công việc dành cho chuyên gia, nó yêu cầu việc thực hiện các qui trình và khuyến cáo nghiêm ngặt.  
Bình chứa chỉ được cất ở độ cao lớn nhất là 3.  
Nhiệt độ lưu trữ:  
Xung quanh.
- Vật liệu đóng gói : Vật liệu phù hợp: Thép không gỉ, Thép mềm., Thép cacbon  
Vật liệu không phù hợp: Không áp dụng.
- Lời khuyên về Thùng chứa : Các thùng chứa, thậm chí cả những thùng đã đổ hết hóa chất ra ngoài, có thể chứa các khí dễ nổ. Không cắt, khoan, mài, hàn hay thực hiện các thao tác tương tự gần các thùng chứa.
- (Các) Sử dụng cụ thể : Không áp dụng được
- Phải đảm bảo tuân thủ tất cả các qui định của địa phương liên quan đến việc xử lý và cất chứa các phương tiện.

## 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
ethanediol	107-21-1	TWA (Hơi)	25 ppm	ACGIH
ethanediol		STEL (Hơi)	50 ppm	ACGIH
ethanediol		STEL (Bụi hạt hít phải qua phổi, chỉ	10 mg/m3	ACGIH

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

		son khí)		
--	--	----------	--	--

### Ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học

Không có giới hạn về sinh học.

### Phương pháp theo dõi

Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp.

Các biện pháp đo lường mức độ phơi nhiễm hợp lệ phải do một người có năng lực thực hiện và các mẫu do phòng thí nghiệm được công nhận phân tích.

Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia.

National Institute of Occupational Safety and Health (NIOSH), USA: Manual of Analytical Methods  
<http://www.cdc.gov/niosh/>

Occupational Safety and Health Administration (OSHA), USA: Sampling and Analytical Methods  
<http://www.osha.gov/>

Health and Safety Executive (HSE), UK: Methods for the Determination of Hazardous Substances  
<http://www.hse.gov.uk/>

Institut für Arbeitsschutz Deutschen Gesetzlichen Unfallversicherung (IFA), Germany.  
<http://www.dguv.de/inhalt/index.jsp>

L'Institut National de Recherche et de Sécurité, (INRS), France <http://www.inrs.fr/accueil>

### Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

: Sự thông gió phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí.

Khi sản phẩm bị gia nhiệt, được phun ở dạng bụi dầu hay bị hoá sương, càng có nguy cơ cao về sự hình thành nồng độ cao trong không khí.

Rửa mắt và tắm vòi sen trong trường hợp sử dụng khẩn cấp.

Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm:

Thông tin chung:

Luôn luôn tuân theo các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt, như rửa sạch tay sau khi xử lý vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt áo quần làm việc và vệ sinh thiết bị bảo vệ để loại bỏ tạp chất. Vứt bỏ áo quần và giày dép bị nhiễm bẩn mà không thể rửa sạch. Thực hành quản lý tốt.

Xác định thủ tục xử lý an toàn và duy trì kiểm soát.

Hướng dẫn và đào tạo công nhân về những nguy hiểm và biện pháp kiểm soát có liên quan đến các hoạt động thông thường của sản phẩm này.

Đảm bảo chọn lựa, kiểm tra và bảo trì thiết bị thích hợp được sử dụng để kiểm soát phơi nhiễm, ví dụ như thiết bị bảo vệ cá nhân, thông khí cục bộ.

Rút hết hệ thống trước khi can thiệp hoặc bảo trì thiết bị.

Giữ lượng chất dẫn lưu trong bình đựng kín trong khi chờ xử lý hoặc tái chế tiếp theo.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

### Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

#### Các biện pháp bảo vệ

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia. Hãy kiểm tra các nhà cung cấp PPE.

#### Bảo vệ hô hấp

: Nếu các biện pháp kỹ thuật không duy trì nồng độ hóa chất trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo hộ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các quy định tương ứng. Hãy kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo hộ hô hấp. Khi dụng cụ thở có lọc khí không thích hợp (ví dụ như nồng độ trong không khí cao, nguy cơ thiếu ôxi, không gian hạn chế) sử dụng dụng cụ thở có áp suất.  
. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn một mặt nạ và bộ lọc kết hợp phù hợp.  
Nếu các thiết bị thở lọc khí thích hợp cho các điều kiện sử dụng:  
Chọn bộ lọc phù hợp với hợp chất khí hữu cơ, hơi nước và hạt [Nhiệt độ sôi Loại A/L loại P > 65°C (149°F)].

#### Bảo vệ tay Ghi chú

: Khi có sự tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ: F739) được làm từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Sự bảo vệ dài hạn hơn: Găng tay cao su nitril Sự bảo vệ cho tiếp xúc/Bắn tóe không chủ đích: Găng tay PVC hay găng tay cao su neopren. Để có thể tiếp xúc liên tục, chúng tôi khuyến cáo sử dụng găng tay với thời gian chọc thủng hơn 240 phút nhưng nên là > 480 phút nếu có thể có găng tay thích hợp. Để bảo vệ trong thời gian ngắn/bắn tóe, chúng tôi cũng khuyến cáo biện pháp tương tự, nhưng có thể không có sẵn găng tay thích hợp với mức bảo vệ như vậy và trong trường hợp này, thời gian chọc thủng thấp hơn có thể chấp nhận được miễn là tuân theo chế độ duy trì và thay thế thích hợp. Độ dày của găng tay không phải là chỉ số tốt về tính chịu hóa chất của găng tay vì điều này phụ thuộc vào thành phần vật liệu chính xác của găng tay. Găng tay nên dày hơn 0,35 mm tùy theo chất liệu và kiểu dáng của găng tay. Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, tính kháng hoá chất của vật liệu làm găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay. Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không thơm để rửa tay.

#### Bảo vệ mắt

: Sản phẩm trong quá trình sử dụng có thể văng bắn vào mắt nên việc sử dụng kính bảo vệ mắt được khuyến cáo.



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

Bảo vệ da và cơ thể : Bảo vệ da thường không yêu cầu vượt quá tiêu chuẩn của quần áo bảo hộ ban hành.  
Cần phải đeo găng tay chống nhiễm hóa chất.

Các mối nguy do nhiệt : Không áp dụng được

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc và đi vệ sinh.  
Giặt quần áo đã bị nhiễm trước khi sử dụng lại.

### Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Lời khuyên chung : Các hướng dẫn địa phương về các giới hạn thoát khí cho các chất dễ bay hơi phải được áp dụng cho việc thải khí thải có hơi.  
Hạn chế thải dầu ra môi trường. Phải thực hiện đánh giá môi trường để đảm bảo phù hợp với qui định về môi trường tại địa phương.  
Thông tin về các biện pháp xử lý tình huống hóa chất bị xả ra bất ngờ có trong phần 6.

## 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : Chất lỏng hơi nhớt.

Màu sắc : không màu

Mùi đặc trưng : nhẹ

Ngưỡng mùi : Không áp dụng.

Độ pH : Không áp dụng.

Điểm nóng chảy/ đông đặc : -13 °C / 9 °F

Điểm sôi/khoảng sôi : 196 - 200 °C / 385 - 392 °F

Điểm cháy : 115 °C / 239 °F  
Phương pháp: Cốc kín Pensky-Martens

Tỷ lệ hóa hơi : 0.01  
Phương pháp: ASTM D 3539, nBuAc=1

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : Không áp dụng được

Giới hạn trên của cháy nổ : 28 %(V)

Giới hạn dưới của cháy nổ : 3.2 %(V)

Áp suất hóa hơi : < 10 Pa (20 °C / 68 °F)

Tỷ trọng hơi tương đối : 2.14(Khí = 1.0)

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

Tỷ trọng tương đối	: 1.1155 (20 °C / 68 °F) Phương pháp: ASTM D4052
Mật độ	: 1,113 kg/m <sup>3</sup> (20 °C / 68 °F) Phương pháp: ASTM D4052
Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: hòa tan hoàn toàn
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: log Pow: -1.93 (20 °C / 68 °F)
Nhiệt độ tự bốc cháy	: 398 °C / 748 °F
Nhiệt độ phân hủy	: Không áp dụng.
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: 16.1 mPa.s (25 °C / 77 °F) Phương pháp: ASTM D445
Độ nhớt, động học	: 24.8 mm <sup>2</sup> /s (20 °C / 68 °F) Phương pháp: ASTM D445
Đặc tính cháy nổ	: Không áp dụng được
Đặc tính oxy hóa	: Không áp dụng.
Sức căng bề mặt	: Không áp dụng.
Tính dẫn	: Điện dẫn suất: > 10 000 pS/m Các yếu tố, như nhiệt độ chất lỏng, tạp chất, và chất phụ gia chống tĩnh điện có thể ảnh hưởng lớn đến tính dẫn điện của chất lỏng., Vật liệu này không được cho là bộ tích tĩnh điện.
Kích thước hạt	: Không áp dụng.
Trọng lượng phân tử	: 62 g/mol

### 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Sản phẩm không có bất kỳ mối nguy hiểm phản ứng nào khác ngoài những nguy hại được liệt kê trong đoạn sau đây.
Tính ổn định	: Dự kiến không có phản ứng nguy hiểm xảy ra khi xử lý và cất trữ theo các quy định. Ôxi hóa khi tiếp xúc với không khí.
Phản ứng nguy hiểm	: Được biết là chưa xảy ra.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

Các điều kiện cần tránh	: Nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời trực tiếp. Không, sản phẩm không thể bốc cháy do điện tĩnh.
Vật liệu không tương thích	: Các nguyên tố ôxi hóa mạnh. Các axit mạnh. Các bazơ mạnh.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Phân hủy nhiệt phụ thuộc vào các điều kiện. Một hỗn hợp các chất rắn, chất lỏng và chất khí bao gồm cacbon monoxide, cacbon dioxide, sulphur oxide và các hợp chất hữu cơ không xác định có thể được sinh ra khi vật liệu này bị đốt cháy, gia nhiệt hoặc oxy hoá.

### 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Cơ sở để Đánh giá	: Thông tin đã cho là dựa vào kiểm tra sản phẩm.
Đường tiếp xúc	: Tiếp xúc với da và mắt là các hình thức phơi nhiễm chính mặc dù vậy sự phơi nhiễm có thể xảy ra do hít phải hoặc sau khi tình cờ ăn phải.

#### Độc cấp tính

##### Thành phần:

##### **ethanediol:**

Độc tính cấp theo đường miệng	: LD 50 Chuột, Đực và cái: > 2,000 mg/kg Phương pháp: Các phương pháp phi tiêu chuẩn được chấp nhận. Ghi chú: Có hại nếu nuốt phải. Có sự khác biệt rõ rệt giữa độc tính cấp tính đối với miệng giữa người và loài gặm nhấm, người dễ bị nhiễm độc hơn loài gặm nhấm. Liều gây nguy hiểm ước lượng cho người là 100 mililit (1/2 ly). Vật liệu này cũng đã cho thấy có độc tính và có khả năng giết chết khi nuốt vào đối với mèo và chó.
-------------------------------	--

Độc tính cấp do hít phải	: LC 50 Chuột, Đực và cái: > 2.5 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 6 h Không khí kiểm nghiệm: Aerosol Phương pháp: Dữ liệu văn học Ghi chú: LC50 > 1.0 - <= 5.0 mg/l LC50 lớn hơn nồng độ gần bão hòa của hơi. Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
--------------------------	---

Độc tính cấp qua da	: LD 50 Chuột nhắt, Đực và cái: > 2,000 mg/kg Phương pháp: Dữ liệu văn học Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
---------------------	---

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

### Ăn mòn/kích ứng da

#### Thành phần:

##### **ethanediol:**

Loài: Thỏ

Phương pháp: Các phương pháp phi tiêu chuẩn được chấp nhận.

Ghi chú: Gây kích ứng nhẹ cho da., Không đủ để phân loại.

### Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

#### Thành phần:

##### **ethanediol:**

Loài: Thỏ

Phương pháp: Các phương pháp phi tiêu chuẩn được chấp nhận.

Ghi chú: Gây kích ứng nhẹ cho mắt., Không đủ để phân loại.

### Kích thích hô hấp hoặc da

#### Thành phần:

##### **ethanediol:**

Loài: Chuột lang

Phương pháp: Dữ liệu văn học

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

#### Thành phần:

##### **ethanediol:**

Độc tính gây đột biến gen  
trong ống thí nghiệm

: Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

: Phương pháp: Các phương pháp phi tiêu chuẩn được chấp  
nhận.

Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

: Phương pháp: Dữ liệu văn học

Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

: Loài thử nghiệm: Chuột Phương pháp: Dữ liệu văn học

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại  
không được đáp ứng

Đột biến tế bào mầm (tế bào  
gen)- Đánh giá

: Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chuẩn phân loại trong các  
nhóm 1A/1B.

### Tác nhân gây ung thư

#### Thành phần:

##### **ethanediol:**

Loài: Chuột nhắt, (Đực và cái)

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Dữ liệu văn học

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chuẩn phân loại trong các nhóm 1A/1B.

Vật liệu	GHS/CLP Tác nhân gây ung thư Phân loại
ethanediol	Không phân loại có tính gây ung thư

### Độc tính sinh sản

#### Thành phần:

##### ethanediol:

: Loài: Chuột  
Giới tính: Đực và cái  
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Dữ liệu văn học  
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Chuột, Đực và cái  
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng  
Phương pháp: Dữ liệu văn học  
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng, Gây độc cho bào thai trên động vật, được coi là hiện tượng nhiễm độc từ cơ thể mẹ.

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chuẩn phân loại trong các nhóm 1A/1B.

### STOT - Tiếp xúc một lần

#### Thành phần:

##### ethanediol:

Ghi chú: Hít vào hơi hay sương có thể gây khó chịu cho hệ hô hấp., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng, Khi tiêu hóa chất này có thể gây ngứa gât và chóng mặt.

### STOT - Tiếp xúc lặp lại

#### Thành phần:

##### ethanediol:

Đường tiếp xúc: Đường miệng

Các cơ quan đích: Thận

Ghi chú: Có thể huỷ hoại các cơ quan hoặc hệ thống cơ quan của cơ thể sống nếu tiếp xúc lâu dài hoặc lặp lại.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

### Lượng độc lặp lại

#### Thành phần:

##### **ethanediol:**

Chuột, con đực:

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 408 của OECD

Các cơ quan đích: Thận

### Độc tính hô hấp

#### Thành phần:

##### **ethanediol:**

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### Thông tin khác

#### Thành phần:

##### **ethanediol:**

Ghi chú: Có thể có các phân loại của nhiều cơ quan khác theo các khung quy định pháp lý khác nhau.

## 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Cơ sở để Đánh giá : Thông tin đã cho là dựa vào kiểm tra sản phẩm.

### Độc môi trường

#### Thành phần:

##### **ethanediol :**

Độc đối với cá (Độc cấp tính) : LC50 (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): 72,860 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h  
Phương pháp: Các phương pháp hướng dẫn khác.  
Ghi chú: Không độc trên thực tế.  
LC/EC/IC50 > 100 mg/l

Độc tính đối với loài giáp xác (Độc cấp tính) : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202  
Ghi chú: Không độc trên thực tế.  
LC/EC/IC50 > 100 mg/l

Độc tính đối với tảo / cây thủy sinh (Độc cấp tính) : EC50 (Tảo đơn bào Pseudokirchneriella subcapitata (tảo đơn bào Selenastrum capricornutum)): 6,500 - 13,000 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h  
Phương pháp: Các phương pháp hướng dẫn khác.  
Ghi chú: Không độc trên thực tế.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

LC/EC/IC50 > 100 mg/l

Độc tính đối với các vi sinh vật (Độc cấp tính) : EC20 (Bùn hoạt tính, chất thải sinh hoạt): > 1,995 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 0.5 h  
Phương pháp: Các phương pháp hướng dẫn khác.  
Ghi chú: Không độc trên thực tế.  
LC/EC/IC50 > 100 mg/l

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC: 15,380 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 7 d  
Loài: Pimephales promelas (cá tuế đầu to)  
Phương pháp: Các phương pháp hướng dẫn khác.  
Ghi chú: NOEC/NOEL > 100 mg/l

Độc tính đối với loài giáp xác (Tính độc mãn tính) : NOEC: 8,590 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 7 d  
Loài: Chironomus sp. (Loài Chironomus)  
Phương pháp: Các phương pháp hướng dẫn khác.  
Ghi chú: NOEC/NOEL > 100 mg/l

### Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

#### Thành phần:

##### **ethanediol :**

Tính phân hủy sinh học : Phân hủy sinh học: 90 - 100 %  
Thời gian phơi nhiễm: 10 d  
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301A  
Ghi chú: Dễ phân hủy nhanh.  
Tiêu chuẩn tinh luyện theo Tổ Chức Hàng Hải Quốc Tế (IMO).  
Quỹ Bồi Thường Ô Nhiễm Dầu Quốc Tế (IOPC) định nghĩa:  
"Dầu thô là dầu gồm có các phần cất hydrocarbon, (a) ít nhất 50% chưng cất ở nhiệt độ 340°C (645°F) theo khối lượng và (b) ít nhất 95% chưng cất ở nhiệt độ 370°C (700°F) theo khối lượng khi được tiến hành kiểm tra theo Phương Pháp ASTM D-86/78 (Hội Kiểm Nghiệm Nguyên Vật Liệu Hoa Kỳ) hoặc các phiên bản sau đó vào thời điểm giao hàng."

### Khả năng tích lũy sinh học

#### Sản phẩm:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: -1.93 (20 °C)

#### Thành phần:

##### **ethanediol :**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Không có khả năng tích lũy hóa sinh nhiều.

### Độ linh động trong đất

#### Thành phần:

##### **ethanediol :**

Tính lưu động : Ghi chú: Phân tán trong nước., Nếu sản phẩm đi vào đất, một hoặc nhiều thành tố sẽ có khả năng linh động cao và có thể làm ô nhiễm nước ngầm.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

### Các tác hại khác

#### Thành phần: ethanediol :

- Kết quả đánh giá PBT và vPvB : Chất không đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn kiểm tra về tính bền vững trong môi trường, tích lũy sinh học và tính độc hại, vì vậy không được xem là PBT hoặc vPvB.
- Các thông tin sinh thái khác : Không có nguy cơ bào mòn tầng ôzôn.

### 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

#### Các biện pháp thải bỏ

- Chất thải từ cặn : Khôi phục hoặc tái chế nếu có thể.  
Người thải rác có trách nhiệm xác định độ độc và các tính chất vật lý của rác thải nhằm xác định loại rác cũng như phương pháp thải phù hợp với các qui định được áp dụng.  
Loại bỏ tất cả các bao bì để lấy lại hay thải thành rác.  
Không được để sản phẩm bỏ đi làm ô nhiễm đất và nước ngầm, hoặc để thải bỏ ra môi trường.  
Không xả thải vào nguồn nước mặt hoặc nước ngầm, vì nó sẽ gây ô nhiễm nguồn nước và gây hại cho sinh vật.  
Không nên thải vào môi trường, vào cống nước hay các dòng nước.  
Chất thải phát sinh khi bị đổ hóa chất hay làm vệ sinh thùng chứa nên được thải bỏ theo các qui định hiện hành, ưu tiên đối với nhà thu gom và nhà thầu. Việc lựa chọn phương tiện thu gom hay nhà thầu nên được xác định trước đó.
- Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và qui định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.  
Các qui định của địa phương có thể nghiêm ngặt hơn so với các yêu cầu của khu vực hay quốc gia và phải được thực thi.
- MARPOL - Tham khảo Công ước Quốc tế về Ngăn ngừa Ô nhiễm từ Tàu thuyền (MARPOL 73/78) cung cấp các khía cạnh kỹ thuật về kiểm soát ô nhiễm từ tàu thuyền.
- Bao bì nhiễm độc : Công tác loại bỏ phải phù hợp với các qui định phổ biến, ưu tiên người thu gom và nhà thầu có uy tín. Việc chọn sử dụng người thu gom hay nhà thầu phải được quyết định trước.

### 14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

#### Quy định Quốc tế ADR



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

### IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

### IMDG-Code

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

### Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Nhóm ô nhiễm : Z  
Loại tàu : 3  
Tên sản phẩm : Ethylene glycol

### Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú : Tham khảo Chương 7, Xử lý & Lưu Trữ, để biết thêm về các phòng ngừa đặc biệt mà người sử dụng cần phải lưu ý hoặc cần tuân theo có liên quan đến việc vận chuyển.

Thông Tin Thêm : Có thể vận chuyển sản phẩm này trong nitơ. Nitơ là khí không mùi và không màu. Tiếp xúc với không khí giàu nitơ sẽ bị thiếu oxy gây ra ngạt hoặc chết. Nhân viên phải tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp an toàn khi làm việc trong khoang kín.

## 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

### Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Các thông tin qui định không có nghĩa bao hàm toàn bộ. Các qui định khác có thể được áp dụng cho sản phẩm này.

Điều 29, Luật Hoá chất Việt Nam, và Phụ lục 9, Điều 7 của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương ( "Thông tư 32").

Các quy định của Việt Nam về giao thông vận tải: Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 Quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Thông tư 44/2012/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 28/12/2012 quy định Danh mục hàng công nghiệp và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

Nghị định 29/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định "danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm bằng đường thủy nội địa.

Luật Hoá chất Việt Nam; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện Nghị định số 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ về An toàn Hoá chất;

Luật Tiêu chuẩn và Chỉ tiêu Kỹ thuật. Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

### Các quy định quốc tế khác

#### Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AIIC : Được liệt kê  
DSL : Được liệt kê  
IECSC : Được liệt kê  
ENCS : Được liệt kê

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

KECI	: Được liệt kê
NZIoC	: Được liệt kê
PICCS	: Được liệt kê
TSCA	: Được liệt kê
TCSI	: Được liệt kê

### 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

#### Toàn bộ nội dung các phần trình bày - H

H302	Có hại nếu nuốt phải.
H373	Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

#### Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

Acute Tox.	Độc cấp tính
STOT RE	Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại

#### Chữ viết tắt và từ viết tắt

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

#### Thông tin khác

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Ethylene Glycol Fiber Grade

Phiên bản 3.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 18.11.2021

Ngày in 03.09.2022

- 
- |   |   |
|---|---|
| Tư vấn về đào tạo                                     | : Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.  |
| Các thông tin khác                                    | : Một vạch thẳng đứng ( I ) ở phía trái cho biết 1 sự hiệu chỉnh ( sửa đổi) so với phiên bản trước đây.   |
| Nguồn dữ liệu chính dùng để lập Phiếu Dữ liệu An toàn | : Các dữ liệu trình bày là từ, nhưng không giới hạn, một hoặc nhiều nguồn thông tin (ví dụ như dữ liệu về độc chất từ Dịch Vụ Sức Khỏe Shell, dữ liệu của nhà cung cấp vật liệu, cơ sở dữ liệu CONCAWE, EU IUCLID, quy định EC 1272, v.v.). |

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI